

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Khiêm	Chủ tịch
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Phạm Văn Quý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)
Ông Trần Văn Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)
Ông Lê Quang Thành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Trí Hội	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Dương Trí Hội
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Số: 464 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013, từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 02 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		290.850.672.987	161.505.645.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	127.686.752.662	120.457.635.194
1. Tiền	111		27.686.752.662	2.757.635.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	117.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.600.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	2.600.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.410.303.514	18.208.179.043
1. Phải thu khách hàng	131		8.041.464.087	3.281.455.783
2. Trả trước cho người bán	132		59.775.839.427	6.137.599.927
3. Các khoản phải thu khác	135		593.000.000	8.789.123.333
IV. Hàng tồn kho	140	6	88.967.034.276	21.300.895.460
1. Hàng tồn kho	141		93.150.573.878	21.300.895.460
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.183.539.602)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.186.582.535	1.538.936.159
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.161.951.683	1.224.130.248
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	304.805.911
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		24.630.852	10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		33.324.777.336	34.612.117.239
I. Tài sản cố định	220		30.373.160.338	32.896.062.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	16.615.279.578	18.685.782.155
- Nguyên giá	222		22.170.960.510	21.441.382.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.555.680.932)	(2.755.600.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	13.757.880.760	14.210.280.196
- Nguyên giá	228		14.417.827.000	14.417.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(659.946.240)	(207.546.804)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.951.616.998	1.716.054.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.941.616.998	1.706.054.888
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		324.175.450.323	196.117.763.095

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

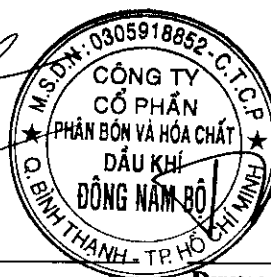
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		167.460.542.458	56.379.837.271
I. Nợ ngắn hạn	310		167.286.315.292	56.159.944.105
1. Phải trả người bán	312		50.219.326.051	39.908.349.911
2. Người mua trả tiền trước	313		107.897.860.550	7.396.037.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	1.057.757.069	941.888.724
4. Phải trả người lao động	315		5.448.161.272	2.246.358.337
5. Chi phí phải trả	316		150.000.000	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		354.998.942	3.465.454.400
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.158.211.408	2.201.855.051
II. Nợ dài hạn	330		174.227.166	219.893.166
1. Phải trả dài hạn khác	333		50.000.000	50.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.227.166	169.893.166
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		156.714.907.865	139.737.925.824
I. Vốn chủ sở hữu	410	10	156.714.907.865	139.737.925.824
1. Vốn điều lệ	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.802.729.603	2.765.131.997
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.401.364.802	1.382.565.999
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.510.813.460	10.590.227.828
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		324.175.450.323	196.117.763.095

Phạm Trường Hiếu Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Dương Trí Hội
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11	3.691.109.769.731	2.338.470.553.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	11	41.660.711.517	21.902.948.660
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	11	3.649.449.058.214	2.316.567.605.122
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	11	3.546.252.795.516	2.255.194.263.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		103.196.262.698	61.373.341.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	10.901.555.248	14.556.352.739
7. Chi phí tài chính	22		98.356.805	51.420.015
8. Chi phí bán hàng	24		32.516.078.965	17.751.661.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.468.635.431	20.951.797.313
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		50.014.746.745	37.174.816.115
11. Thu nhập khác	31		47.512.342	12.519.573
12. Chi phí khác	32		450.128	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		47.062.214	12.519.573
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		50.061.808.959	37.187.335.688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	9.685.832.904	9.536.015.742
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		40.375.976.055	27.651.319.946
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.230	2.212

Phạm Trường Hiếu Thảo
 Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng

Dương Trí Hội
 Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘSố 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Từ 01/02/2011

đến 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	50.061.808.959	37.187.335.688
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.252.479.922	1.790.189.617
Các khoản dự phòng	03	4.183.539.602	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(10.901.555.248)	(14.561.130.516)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	46.596.273.235	24.416.394.789
Thay đổi các khoản phải thu	09	(42.589.576.758)	(10.526.780.287)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(71.849.678.418)	49.126.382.924
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	110.459.670.676	(32.372.242.213)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.235.562.110)	(410.927.918)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.873.454.939)	(16.460.517.657)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.767.637.657)	(2.942.032.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.740.034.029	10.830.277.292
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.729.577.909)	(11.013.263.057)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	205.570.669
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.600.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.336.555.248	14.556.352.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.993.022.661)	3.748.660.351
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.517.893.900)	(13.321.960.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.517.893.900)	(13.321.960.502)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.229.117.468	1.256.977.141
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	120.457.635.194	119.200.658.053
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	127.686.752.662	120.457.635.194

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền 9.000.000.000 đồng đã ứng trước cho ông Nguyễn Hoài Nam để mua kho ở Đăk Nông. Vì vậy, một khoản tiền trong ứng trước này được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Phạm Trường Hiếu Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Dương Trí Hội
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Công ty có bốn (4) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước và Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 66 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 64 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh dịch vụ logistic; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và thời gian sử dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phần mềm máy tính	8
Quyền sử dụng đất	32

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	33.671.281	346.619.857
Tiền gửi ngân hàng	27.653.081.381	2.411.015.337
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	117.700.000.000
	127.686.752.662	120.457.635.194

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 8%/năm đến 12%/năm.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với lãi suất 12%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng hóa	93.077.997.678	21.300.895.460
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.576.200	-
	93.150.573.878	21.300.895.460
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.183.539.602)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	88.967.034.276	21.300.895.460

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	16.733.943.680	1.906.325.365	2.801.113.556	21.441.382.601
Mua trong năm	-	-	729.577.909	729.577.909
Tại ngày 31/12/2012	16.733.943.680	1.906.325.365	3.530.691.465	22.170.960.510
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	630.634.660	480.814.331	1.644.151.455	2.755.600.446
Khấu hao trong năm	1.673.394.367	317.720.892	808.965.227	2.800.080.486
Tại ngày 31/12/2012	2.304.029.027	798.535.223	2.453.116.682	5.555.680.932
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	14.429.914.653	1.107.790.142	1.077.574.783	16.615.279.578
Tại ngày 31/12/2011	16.103.309.020	1.425.511.034	1.156.962.101	18.685.782.155

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.276.785.179 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 448.013.724 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	14.362.577.000	55.250.000	14.417.827.000
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	14.362.577.000	55.250.000	14.417.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	164.364.540	43.182.264	207.546.804
Khấu hao trong năm	446.133.830	6.265.606	452.399.436
Tại ngày 31/12/2012	610.498.370	49.447.870	659.946.240
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	13.752.078.630	5.802.130,00	13.757.880.760
Tại ngày 31/12/2011	14.198.212.460	12.067.736	14.210.280.196

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	141.815.529	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	507.572.054	-
Thuế thu nhập cá nhân	408.369.486	941.888.724
	1.057.757.069	941.888.724

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/02/2011	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	125.000.000.000	538.783.585	269.391.792	3.771.485.125	129.579.660.502
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	27.651.319.946	27.651.319.946
Trích từ lợi nhuận	-	2.765.131.997	1.382.565.999	(8.311.092.118)	(4.163.394.122)
Trả cổ tức	-	(538.783.585)	(269.391.792)	(12.521.485.125)	(13.329.660.502)
Số dư tại ngày 31/12/2011	125.000.000.000	2.765.131.997	1.382.565.999	10.590.227.828	139.737.925.824
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	40.375.976.055	40.375.976.055
Trích từ lợi nhuận (1)	-	4.037.597.606	2.018.798.803	(12.780.390.423)	(6.723.994.014)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	(16.675.000.000)	(16.675.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	125.000.000.000	6.802.729.603	3.401.364.802	21.510.813.460	156.714.907.865

(1): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-ĐNB ngày 29 tháng 3 năm 2012, Công ty đã tiến hành trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trong năm với số tiền lần lượt là 4.037.597.606 đồng, 2.018.798.803 đồng và 6.723.994.014 đồng.

(2): Trong năm, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức từ lợi nhuận của kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 7.925.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 41/NQ-ĐNB ngày 24 tháng 8 năm 2012, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 với mức chi là 7% mệnh giá cổ phần tương đương 8.750.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Vốn điều lệ		Vốn góp tại ngày 31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	75%
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	25%
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	100%

Cổ phần phát hành

	31/12/2012	31/12/2011
Cổ phần được phép phát hành		
Số lượng cổ phần	12.500.000	12.500.000
Mệnh giá - VND/cổ phần	10.000	10.000
Tổng giá trị - VND	125.000.000.000	125.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

11. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.

Doanh thu - Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

	Năm 2012	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Doanh thu phân bón	3.659.375.747.439	2.306.984.736.068
Doanh thu hóa chất	21.783.646.546	25.713.998.858
Doanh thu khác	9.950.375.746	5.771.818.856
	3.691.109.769.731	2.338.470.553.782
Giảm giá hàng bán	(6.692.571.428)	-
Chiết khấu thương mại	(34.968.140.089)	(21.902.948.660)
	3.649.449.058.214	2.316.567.605.122

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Doanh thu - Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau (Tiếp theo):**

	Năm 2012	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Giá vốn phân bón	3.517.662.940.705	2.225.636.241.580
Giá vốn hóa chất	19.668.931.771	24.625.645.682
Giá vốn khác	8.920.923.040	4.932.376.091
	3.546.252.795.516	2.255.194.263.353

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong năm tài chính.

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.423.123.195	4.434.028.662
Chi phí nhân công	22.448.881.349	18.679.413.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.252.479.922	1.790.189.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.766.914.560	16.559.571.653
Chi phí khác	8.086.814.610	2.291.462.316
	72.978.213.636	43.754.665.702

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	50.061.808.959	37.187.335.688
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	655.865.446	956.727.282
Thu nhập chịu thuế	50.717.674.405	38.144.062.970
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.679.418.601	9.536.015.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	2.993.585.697	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.685.832.904	9.536.015.742

(*) Theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 100 người. Số thuế được giảm được xác định trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty với số tiền là 2.993.585.697 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘSố 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm 2012	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.056.680.000	1.386.200.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.275.920.000	1.983.600.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.465.580.000	165.300.000
Sau năm năm	-	-
	4.741.500.000	2.148.900.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 354.960.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê này có thời hạn hai năm bốn tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 đến ngày 31 tháng 01 năm 2015.

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.686.752.662	120.457.635.194
Đầu tư ngắn hạn	2.600.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.634.464.087	12.070.579.116
Tổng cộng	138.921.216.749	132.528.214.310
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	50.523.384.993	43.373.804.311
Chi phí phải trả	150.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	50.000.000	50.000.000
Tổng cộng	50.723.384.993	43.423.804.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘSố 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.686.752.662	-	127.686.752.662
Đầu tư ngắn hạn	2.600.000.000	-	2.600.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.634.464.087	-	8.634.464.087
Tổng cộng	138.921.216.749	-	138.921.216.749
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.523.384.993	-	50.523.384.993
Chi phí phải trả	150.000.000	-	150.000.000
Phải trả dài hạn khác	50.000.000	-	50.000.000
Tổng cộng	50.723.384.993	-	50.723.384.993
Chênh lệch thanh khoản thuần	88.197.831.756	-	88.197.831.756
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.457.635.194	-	120.457.635.194
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.070.579.116	-	12.070.579.116
Tổng cộng	132.528.214.310	-	132.528.214.310
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	43.373.804.311	-	43.373.804.311
Phải trả dài hạn khác	50.000.000	-	50.000.000
Tổng cộng	43.423.804.311	-	43.423.804.311
Chênh lệch thanh khoản thuần	89.104.409.999	-	89.104.409.999

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2012 VND	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	6.611.930.347
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.824.734.513	3.445.751.804
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	17.171.676.429	31.224.729.315
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	6.880.952.381	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.402.048.301	2.061.652.132
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	20.206.874.763	17.707.619.049
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu Khí - Công ty Cổ phần	66.247.619.040	7.070.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Chi nhánh Miền Trung	137.730.476.195	85.799.980.947
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	131.787.478.588	473.053.751.495
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.804.342.818.245	1.551.600.421.164
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	2.722.857.143	20.984.020.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	3.056.135.794	14.401.329.036
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	127.523.809.524	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2012 VND	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.094.930.265	3.091.086.897

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

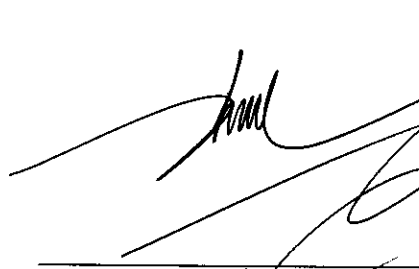
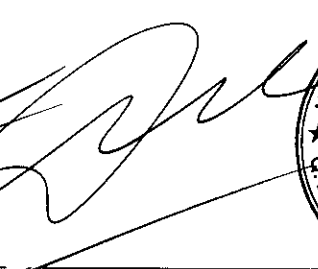

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	550.259.880	555.056.731
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	758.461.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	738.480.509	460.058.679
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	5.615.097.357
Phải trả		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.725.070.001	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	2.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	34.618.257.800
Ứng trước nhà cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	41.553.393.605	5.615.097.357
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.197.445.824	-

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 (ngày Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các số liệu này đã được kiểm toán và chỉ mang tính tham khảo, không so sánh được do không cùng kỳ kế toán.

Phạm Trường Hiếu Thảo **Võ Ngọc Phương** **Dương Trí Hội**
 Người lập biểu Kế toán trưởng Giám đốc



Ngày 20 tháng 02 năm 2013